

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10 /2015/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 11 tháng 5 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi một số giá khoáng sản không kim loại tại Bảng giá kèm theo Quyết định số 22/2013/QĐ-UBND ngày 16/8/2013 của UBND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Thuế tài nguyên số 45/2009/QH12 ngày 25/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 24/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên;

Căn cứ Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

Căn cứ Thông tư số 105/2010/TT-BTC ngày 23/7/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 50/2010/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 247/TTr-STC ngày 04/5/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi một số giá khoáng sản không kim loại tại Bảng giá kèm theo Quyết định số 22/2013/QĐ-UBND ngày 16/8/2013 của UBND tỉnh, để tính thu thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, như sau:

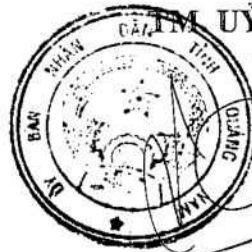
(Chi tiết Bảng giá sửa đổi kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Các nội dung khác tại Bảng giá kèm theo Quyết định số 22/2013/QĐ-UBND ngày 16/8/2013 của UBND tỉnh không thuộc phạm vi sửa đổi tại quyết định này vẫn còn hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Công thương, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục Thuế, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức, cá nhân và thủ trưởng cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *le*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VPCP;
- Bộ TC, Bộ TN&MT;
- Website Chính phủ;
- Cục KTVB QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- CPVP;
- TT Tin học và CB tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KTN, KTTH (Mý).



**ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đinh Văn Thu

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢNG GIÁ MỘT SỐ KHOÁNG SẢN KHÔNG KIM LOẠI SỬA ĐỔI
(Kèm theo Quyết định 10 /2015/QĐ-UBND ngày 11/5/2015
của UBND tỉnh Quảng Nam)

TT	Loại tài nguyên	Đơn vị tính	Giá tính thuế (đồng)
II	Khoáng sản không kim loại		
1	Đất:		
1.1	- Đất sét làm xi măng	M ³	80.000
4	Cát:		
4.4	- Cát khai thác để san lấp, xây đắp công trình	M ³	30.000
5	Đá:		
5.12	- Đá nung vôi và sản xuất xi măng	M ³	100.000